

Bản án số: 34/2025/KDTM-ST

Ngày: 27-6-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tuấn;

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2025/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2025/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần C

Địa chỉ trụ sở: 108 Trần Hưng Đạo, phường C, Quận H, Thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân Quảng; sinh ngày: 10/10/1968; CCCD: 036068004708, ngày cấp: 21/12/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (có mặt).

Địa chỉ: 111 – 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số: 219/UQ – CN10 P.TH ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng P; sinh ngày: 24/02/1984; CCCD: 049084000185, cấp ngày 19/5/2022, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt).

Địa chỉ: 38/2H Mỹ Hòa 1, xã T, huyện H, Thành phố H.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Bích H; sinh ngày: 09/7/1987; CCCD: 056187000169, cấp ngày 19/5/2022, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt).

Địa chỉ: 38/2H Mỹ Hòa 1, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ

Chí Minh.

2. Ông Đỗ Văn H; sinh ngày: 11/10/1977; CCCD: 072077002919, cấp ngày 19/8/2022, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt)

3. Bà Huỳnh Thị Kim T; sinh ngày: 10/03/1980; CCCD: 049180000393, cấp ngày 22/12/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 338/3 Liên khu 4-5 Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Cao Thị T, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

5. Ông Trần Hải L, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

6. Ông Hoàng Phi LL, sinh năm: 1962 (vắng mặt)

7. Bà Đinh Thị Kim M, 1975 (vắng mặt)

8. Ông Đinh Tuấn K, 2001 (vắng mặt)

9. Ông Đinh Minh P, 1997 (vắng mặt)

10. Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm: 1999 (vắng mặt)

11. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

12. Bà Nguyễn Thị Lệ T1, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

13. Bà Võ Thị Như Q, sinh năm: 2000 (vắng mặt)

14. Ông Trương Hoàng H, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

15. Bà Trần Thị Ph, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

16. Bà Trương Thị Yến N2, sinh năm: 2007 (vắng mặt)

17. Trẻ Nguyễn Bảo N1, sinh năm: 2019 (vắng mặt)

18. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1999 (có đơn xin vắng mặt)

19. Phan Hồng Tú U, sinh năm: 1998 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 31/3C ấp Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2025 và các bản tự khai ngày 24/3/2025, 08/4/2025 và ngày 27/6/2025 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C có ông Đỗ Xuân Quảng diện theo uỷ quyền trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng P đã vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh 10 với các Hợp đồng cho vay bao gồm cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024 với hạn mức vay: 22.000.000.000 (hai mươi hai tỷ) đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn điều lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đồ dùng inox...; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng; Thời gian cho vay trên mỗi giấy nhận nợ: 06 tháng; Lãi suất khi cho vay: 7,3%/năm; Lãi suất hiện tại: 9%/năm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C – chi nhánh 10 đã giải ngân tổng số tiền là 19.287.000.000 (mười chín tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu) đồng với dư nợ gốc hiện tại là 19.279.800.000 (mười chín tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu tám trăm nghìn) đồng.

2. Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/5/2023 với hạn mức thẻ tín dụng được cấp: 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hoàng P nêu trên được đảm bảo bằng tài sản của ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Bích H và bên thứ ba là bà Huỳnh Thị Kim T, ông Đỗ Văn H theo các Hợp đồng thế chấp bất động sản bao gồm:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 15/4 ấp Mỹ Hòa 1, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Bích H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00524 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/8/2015.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 31/3C ấp Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Bích H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01382 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2012.

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 510, tờ bản đồ số 44, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00424/07 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/7/2005.

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 511, tờ bản đồ số 44, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00425/07 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/7/2005.

Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 2C1, khu phố 3, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Huỳnh Thị Kim T và ông Đỗ Văn H theo Giấy chứng nhận số hồ sơ gốc 1230 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2002.

Trong quá trình thực hiện quan hệ tín dụng, ông Nguyễn Hoàng P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (lãi và gốc), khoản vay nêu trên của ông Nguyễn Hoàng P đã được chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/10/2024. Mặc dù Ngân hàng Thương mại cổ phần C – chi nhánh 10 đã nhiều lần yêu cầu bên vay thực hiện các nghĩa vụ của mình nhưng bên vay vẫn không thực hiện, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó Ngân hàng Thương mại cổ phần C khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Hoàng P thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C – chi nhánh 10 tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 21.193.357.592 đồng, cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024, ông Nguyễn Hoàng P còn nợ tổng số tiền là 20.818.907.067 đồng. Trong đó, nợ gốc: 19.279.800.000.000 đồng; lãi đến hạn: 1.186.859.223 đồng; lãi quá hạn: 352.247.844 đồng.

Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/5/2023, ông Nguyễn Hoàng P còn nợ tổng số tiền là: 374.450.525 đồng. Trong đó, nợ gốc: 299.314.706 đồng; lãi: 45.475.028 đồng; phí: 29.660.791 đồng.

Các khoản lãi, phí, chi phí khác còn tiếp tục phát sinh sau ngày tạm tính nêu trên, theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết toàn bộ khoản nợ.

Ngay khi ông Nguyễn Hoàng P không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C – chi nhánh 10 có quyền yêu cầu tổ chức, cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, xử lý, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày trong biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/4/2025 rằng: ông xác nhận toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện và các bản tự khai là đúng sự thật. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần số nợ. Hiện nay các tài sản thế chấp đều có người quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim T, ông Đỗ Văn H, bà Cao Thị T, ông Trần Hải L, ông Hoàng Phi LL, bà Đinh Thị Kim M, ông Đinh Tuấn K, ông Đinh Minh P, bà Nguyễn Thị Thu T3, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Lệ T1, bà Võ Thị Như Q, ông Trường Hoàng Hôn, bà Trần Thị Ph, bà Trương Thị Yến N2, trẻ Nguyễn Bảo N1 vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N và bà Phạm Hồng Tú Uyên trình bày như sau: Tôi chỉ là người thuê trọ, không liên quan tới vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền nhưng vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C có người đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Xuân Quảng, bà Vương Thị Loan đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại các khoản 4, khoản 5, khoản 12, khoản 13, khoản 15, khoản 16 Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P có mặt tham gia buổi hòa giải là thực hiện đúng quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 15, khoản 16 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà, bà Trúc, ông Hậu, bà Thanh, ông Lâm, ông Long, bà Mai, ông Kiệt, ông Phi, bà Thắm, ông Tính, bà Trinh, bà Như, ông Hôn, bà Phấn, bà Nhi, trẻ Ngọc đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tại các khoản 4, khoản 5, khoản 12, khoản 13, khoản 15, khoản 16 Điều 70; Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngân, bà Uyên đã chấp hành đúng quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 12, khoản 13, khoản 15, khoản 16 Điều 70; Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Hợp đồng vay và các Hợp đồng thế chấp được ký kết đúng theo quy định pháp luật nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/5/2023 cũng như việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 10.5 Điều 10 của Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024; Điều 10 của văn bản các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng. Đồng thời do Ngân hàng Thương mại cổ phần C có đơn đề nghị lựa chọn thẩm quyền Tòa án giải quyết ngày 14/02/2025, chọn Tòa án nhân dân Quận 10 là nơi giải quyết. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

[3.1] Xét Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0100111948, đăng ký lần đầu ngày 03/7/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp có cơ sở xác định ông Trần Bình Minh là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Xét Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 0100111948-059 đăng ký lần đầu ngày 19/8/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 24/6/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định ông Trương Minh Tiến là người đứng đầu của chi nhánh. Xét Ngân hàng Thương mại cổ phần C có Văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024 và Văn bản ủy quyền lại tham gia tố tụng số 219/UQ-CN10-P.TH ngày 14/02/2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh 10 là hợp lệ nên ông Đỗ Xuân Quảng và bà Vương Thị Loan có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[3.2] Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập nhưng chỉ có mặt tham gia ở buổi hòa giải mà vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần 1. Tòa án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt do vậy Tòa căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm: bà Nguyễn Thị Bích H, bà Huỳnh Thị Kim T, ông Đỗ Văn H bà Cao Thị T, ông Trần Hải L, ông Hoàng Phi Long, bà Đinh Thị Kim M, ông Đinh Tuấn K, Ông Đinh Minh P, bà Nguyễn Thị Thu T3, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Lệ T1, bà Võ Thị Như Q, ông Trương Hoàng H, bà Trần Thị Ph, bà Trương Thị Yến N2, trẻ Nguyễn Bảo N1 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3.4] Xét đơn xin vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N, bà Phan Hoàng Tú Uyên là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim N, bà Phan Hoàng Tú Uyên

[4] Xét hình thức và nội dung của hợp đồng cho vay; giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng: Căn cứ Điều 51 Luật Tổ chức tín dụng quy định *“Việc cho vay phải được lập thành hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng phải có nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng tiền vay, hình thức vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thoả thuận”*. Xét Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2025 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/5/2023 đảm bảo đúng quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[5.1] Như phân tích tại phần [4] do Hợp đồng cho vay Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phát sinh hiệu lực pháp luật và căn cứ các giấy nhận nợ và định kỳ hạn trả nợ có chữ ký, chữ viết của bên vay bị đơn ông Nguyễn Hoàng P nên cơ sở xác định bên vay đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng.

[5.2] Căn cứ vào các bản tự khai ngày 08/4/2025 và ngày 27/6/2025 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Thông báo thanh toán nợ quá hạn lần 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 ngày 28/10/2024, ngày 01/11/2024, ngày 05/11/2024, ngày 12/11/2024, ngày 05/12/2024, ngày 12/12/2024, ngày 19/12/2024, ngày 09/01/2025 và các biên bản làm việc ngày 03/10/2024, ngày 01/11/2024 của Ngân hàng, tại phiên tòa xác nhận bị đơn vẫn chưa hoàn trả nợ gốc theo Hợp đồng cho vay và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền lãi theo Hợp đồng cho vay; lãi và phí theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[6.1] Theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định: *“Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của

Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên Ngân hàng là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật.

[6.2] Căn cứ vào khoản 1.5 Điều 1 của Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024 và các giấy nhận nợ số 142022024/GNN.NGT ngày 16/5/2024; giấy nhận nợ số 203032024/GNN.NGT ngày 09/7/2024; giấy nhận nợ số 223042024/GNN.NGT ngày 24/7/2024; giấy nhận nợ số 224052024/GNN.NGT ngày 25/7/2024; giấy nhận nợ số 248062024/GNN.NGT ngày 08/8/2024; giấy nhận nợ số 251072024/GNN.NGT ngày 08/8/2024; giấy nhận nợ số 306082024/GNN.NGT ngày 18/10/2024 quy định về thời hạn cho vay thì thời gian cho vay được ghi nhận trên mỗi giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng.

[6.3] Căn cứ vào Điều 2 Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024; các giấy nhận nợ số 142022024/GNN.NGT ngày 16/5/2024; giấy nhận nợ số 203032024/GNN.NGT ngày 09/7/2024; giấy nhận nợ số 223042024/GNN.NGT ngày 24/7/2024; giấy nhận nợ số 224052024/GNN.NGT ngày 25/7/2024; giấy nhận nợ số 248062024/GNN.NGT ngày 08/8/2024; giấy nhận nợ số 251072024/GNN.NGT ngày 08/8/2024; giấy nhận nợ số 306082024/GNN.NGT ngày 18/10/2024 có cơ sở xác định Ngân hàng đã áp dụng đúng mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn của hợp đồng cho vay nêu trên.

Căn cứ Điều 5 văn bản về các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng và bảng sao kê giao dịch thẻ tín dụng của bị đơn ông Nguyễn Hoàng P thì mức lãi suất được áp dụng đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/5/2023 là 18,5%/năm là phù hợp nên được chấp nhận

[6.4] Căn cứ điểm b khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024, nội dung thỏa thuận của hai bên về lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp nên được chấp nhận.

Như phân tích tại phần [5] bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên có cơ sở xem xét yêu cầu của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán khoản tiền lãi theo hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024 và thanh toán khoản tiền lãi, phí theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/5/2023. Cụ thể: bị đơn ông Nguyễn Hoàng P phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 21.193.357.592 đồng. Trong đó:

Đối với Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024, ông Nguyễn Hoàng P còn nợ tổng số tiền là 20.818.907.067 đồng. Trong đó, nợ gốc: 19.279.800.000.000 đồng; lãi đến hạn: 1.186.859.223 đồng; lãi quá hạn: 352.247.844 đồng.

Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/5/2023, ông Nguyễn Hoàng P còn nợ tổng số tiền là: 374.450.525 đồng. Trong đó, nợ gốc: 299.314.706 đồng; lãi: 45.475.028 đồng; phí: 29.660.791 đồng.

[7] Đối với yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp trong trường hợp các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Điều 4 Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 và đăng ký giao dịch đảm bảo. Căn cứ các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 48.NGT/2024/HĐBĐ/NHCT940, số công chứng: 013398, quyền số: 07/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2025; Hợp đồng thế chấp số 47.NGT/2024/HĐBĐ/NHCT940, số công chứng: 007999, quyền số: 05/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/5/2023; Hợp đồng thế chấp số 10.2023.NGT/2024/HĐBĐ/NHCT940, số công chứng: 001171, quyền số: 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/02/2023; Hợp đồng thế chấp số 66.NGT/2024/HĐBĐ/NHCT940, số công chứng: 012748, quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/8/2023 tại Văn phòng công chứng Mai Việt Cường để thế chấp các tài sản do ông Nguyễn Hoàng P; bà Nguyễn Thị Bích H; ông Đỗ Văn H và bà Huỳnh Thị Kim T làm chủ sở hữu và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định. Như vậy, đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận. Do đó, trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị phát mãi các tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

[1] Buộc ông Nguyễn Hoàng P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/6/2025 theo Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/5/2023 là 21.193.357.592. Cụ thể:

Đối với Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024, ông Nguyễn Hoàng P còn nợ tổng số tiền là 20.818.907.067 đồng. Trong

đó, nợ gốc: 19.279.800.000.000 đồng; lãi đến hạn: 1.186.859.223 đồng; lãi quá hạn: 352.247.844 đồng.

Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/5/2023, ông Nguyễn Hoàng P còn nợ tổng số tiền là: 374.450.525 đồng. Trong đó, nợ gốc: 299.314.706 đồng; lãi: 45.475.028 đồng; phí: 29.660.791 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 28/6/2025 cho đến khi bị đơn ông Nguyễn Hoàng P thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay số 30.NGT/2024/HĐCVHM/NHCT940 ngày 11/4/2024 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/5/2023

[2] Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[3] Trong trường hợp ông Nguyễn Hoàng P vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ bao gồm:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 15/4 ấp Mỹ Hòa 1, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Bích H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00524 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/8/2015.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 31/3C ấp Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Bích H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01382 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2012.

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 510, tờ bản đồ số 44, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00424/07 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/7/2005.

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 511, tờ bản đồ số 44, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00425/07 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/7/2005.

Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 2C1, khu phố 3, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Huỳnh Thị Kim T và ông Đỗ Văn H theo Giấy chứng nhận số hồ sơ gốc 1230 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2002.

[4] Trường hợp ông Nguyễn Hoàng P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng P bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00424/07 và sổ vào sổ H00425/07 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/7/2005; trả lại cho ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Bích H các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00524 và số: CH01382 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/8/2015 và ngày 04/10/2012. Trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim T và ông Đỗ Văn H Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử

dụng đất số: 1230 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2002.

[5] Ông Nguyễn Hoàng P hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Ông Nguyễn Hoàng P chịu 129.193.358 (Một trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi ba nghìn ba trăm năm mươi tám) đồng.

[6.2] Hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 64.127.142 (sáu mươi bốn triệu một trăm hai mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi hai) đồng, theo biên lai thu tiền số 0075420 ngày 05/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn



